

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **84/2020/DS-ST**

Ngày: 28/05/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Giang**

+ Ông **Ngô Minh Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 17/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-DS ngày 4 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Đoàn Thị Ngọc A** – sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp M, thị trấn N, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thị Bích B** – sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M1, thị trấn N1, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

* Bị đơn: **Lương Thành C** - sinh năm 1959; (vắng mặt)

Lê Thị Thanh D – sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà **Đoàn Thị Ngọc A** trình bày: Ông **Lương Thành C** và bà **Lê Thị Thanh D** có vay của bà tổng số tiền 201.000.000 đồng, vay nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 10/10/2012 vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 20/11/2012 vay số tiền 45.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2012 vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 10/11/2013 vay số tiền 46.000.000 đồng.
- Ngày 2/5/2015 vay số tiền 30.000.000 đồng.

Khi vay tiền ông C bà D đều hứa là trong vòng một năm sẽ trả tiền cho bà nhưng đến nay vẫn không trả tiền vốn và tiền lãi. Nay bà yêu cầu ông C bà D trả số tiền vốn 201.000.000 đồng, tính lãi từ năm 2012 đến khi xét xử, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích B trình bày là bà A xin rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông C, bà D trả số tiền vay còn nợ là 201.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đoàn Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D trả số tiền vay còn nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa, các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Bị đơn ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà A khởi kiện yêu cầu ông Lương Thanh C và bà Lê Thị Thanh D trả số tiền vay 201.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà A cung cấp cho Tòa án các biên nhận mượn tiền gồm: biên nhận ngày 10/10/2012, biên nhận ngày

20/11/2012, biên nhận ngày 30/11/2012, biên nhận ngày 10/11/2012 và biên nhận ngày 2/5/2015 có chữ ký của ông C và bà D. Biên nhận ghi là mượn tiền nhưng phía đại diện ủy quyền của bà A trình bày là bà A cho ông C, bà D vay có tính lãi suất. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà A và ông C, bà D đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà A là bà B trình bày bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Ông C, bà D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông bà vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A là từ bỏ quyền chứng minh của mình, không chứng minh số tiền bà A yêu cầu đã được ông trả hay chưa. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc ông C, bà D có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 201.000.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời gian trả: bà A yêu cầu ông C, bà D trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà A được chấp nhận nên ông C, bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc A.

Buộc ông Lương Thành C và bà Lê Thị Thanh D có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Ngọc A số tiền **201.000.000** đồng. (Hai trăm lẻ một triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông C, bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Ông C, bà D phải chịu 10.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với ông C, bà D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên